TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHAN THIẾT** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 239/2023/QĐST-VHNGĐ	*Phan Thiết, ngày 23 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 36, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 150, Điều 370, Điều 371, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 258/2023/TLST-VHNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2023 về việc yêu cầu "*Công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Bà Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1977

Địa chỉ: Khu phố 3, phường Phú Thủy, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1978

Địa chỉ: Khu phố 3, phường Phú Thủy, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

NHẬN ĐỊNH

[1] Bà Nguyễn Thị Hải Y và ông Nguyễn Đức T đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường Phú Thủy, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 12/4/2001. Nay bà Yến, ông Thiện xác định mâu thuẫn đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên thuận tình ly hôn.

[2] Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 15 tháng 11 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hải Y và ông Nguyễn Đức T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Y, ông T có 02 con chung tên Nguyễn Thanh T (nam), sinh ngày 22/10/2001 và Nguyễn Nhật T, sinh ngày 02/4/2007 (nam).

Ông bà thống nhất sau khi ly hôn, ông Nguyễn Đức T trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Nhật T, bà Nguyễn Thị Hải Y cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi và có khả năng lao động. Riêng con Nguyễn Thanh T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, bà Y, ông T vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Bà Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 01 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 02 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Về tài sản chung: Bà Y, ông T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Y, ông T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Hải Y và ông Nguyễn Đức T nộp 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự. Ngày 14/11/2023 bà Y, ông T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019002 tại Chi cục thi hành án thành phố Phan Thiết. Bà Nguyễn Thị Hải Y và ông Nguyễn Đức T đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 2, 6,7, 7A, 9, 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Tp.Phan Thiết;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Phan Thị Thái